

Số: 1516 /KH-SGDĐT

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH

Truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 27/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Thực hiện Kế hoạch số 174/KH-BCĐ ngày 23/9/2026 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi về truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình) trong ngành Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức thông tin, tuyên truyền đầy đủ, kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và kết quả thực hiện Chương trình có liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo; góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ quản lý, công chức, viên chức, người lao động, người học và cộng đồng trong thực hiện Chương trình.

Tăng cường truyền thông về vai trò của giáo dục và đào tạo trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tạo sự đồng thuận, huy động sự tham gia của các cơ sở giáo dục, đội ngũ nhà giáo, người học, gia đình và xã hội.

Tuyên truyền, phổ biến các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và chính sách thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong Chương trình; kịp thời thông tin kết quả, tác động của Chương trình đối với việc bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục, cải thiện điều kiện dạy và học, giáo dục nghề nghiệp và phát triển nguồn nhân lực.

Kịp thời giới thiệu, biểu dương và lan tỏa các mô hình, cách làm hiệu quả, tập thể, cá nhân tiêu biểu trong thực hiện các nhiệm vụ giáo dục và đào tạo gắn với Chương trình, nhất là tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới và địa bàn còn nhiều khó khăn.

2. Yêu cầu

Công tác truyền thông được triển khai thường xuyên, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, bám sát định hướng, chủ đề truyền thông hằng năm của Chương trình và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của ngành Giáo dục và Đào tạo.

Nội dung truyền thông bảo đảm chính xác, kịp thời, thiết thực, dễ hiểu, dễ tiếp cận; lựa chọn hình thức truyền thông phù hợp với từng cấp học, đối tượng, địa bàn và điều kiện thực tế.

Kết hợp hiệu quả các hình thức truyền thông trực tiếp với truyền thông trên môi trường số; lồng ghép với các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt tập thể và các hoạt động phù hợp khác của cơ sở giáo dục, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, không hình thức, không làm ảnh hưởng đến hoạt động dạy và học.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục; tăng cường phối hợp giữa ngành Giáo dục và Đào tạo với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong triển khai công tác truyền thông.

II. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng truyền thông

Cán bộ quản lý, công chức, viên chức, người lao động, nhà giáo trong ngành Giáo dục và Đào tạo.

Học sinh, học viên, sinh viên tại các cơ sở giáo dục và cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Cha mẹ học sinh, gia đình người học và cộng đồng; trong đó chú trọng người học, nhà giáo, gia đình và cộng đồng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và các đối tượng thụ hưởng chính sách thuộc Chương trình.

2. Thời gian thực hiện

Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

III. NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG

1. Truyền thông về chủ trương, chính sách và Chương trình

Tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế, chính sách của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030; các nội dung có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Thông tin về vai trò, trách nhiệm của ngành Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý, nhà giáo, người học trong thực hiện các mục tiêu xây

dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Truyền thông về các mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách giáo dục và bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục

Tập trung tuyên truyền các mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách của Chương trình có liên quan đến giáo dục và đào tạo; kết quả thực hiện các nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; huy động trẻ em, học sinh đến trường, duy trì sĩ số, hạn chế tình trạng học sinh bỏ học; bảo đảm quyền và cơ hội tiếp cận giáo dục của trẻ em, học sinh.

Chú trọng tuyên truyền các chính sách hỗ trợ người học; hoạt động nâng cao chất lượng giáo dục tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường tiếng Việt cho trẻ em, học sinh dân tộc thiểu số; nâng cao chất lượng giáo dục dân tộc; chăm lo điều kiện học tập, ăn, ở, sinh hoạt của học sinh nội trú, bán trú và học sinh thuộc các đối tượng được hưởng chính sách.

Kịp thời thông tin kết quả, tác động của các chính sách giáo dục đối với người học, gia đình và cộng đồng, nhất là tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng khó khăn và địa bàn biên giới.

3. Truyền thông về phát triển đội ngũ, cơ sở vật chất và điều kiện dạy học

Thông tin, tuyên truyền về kết quả đầu tư, cải thiện cơ sở vật chất, trường, lớp học, thiết bị dạy học; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, xanh, sạch, đẹp; bảo đảm nước sạch, vệ sinh trường học và các điều kiện thiết yếu phục vụ dạy và học tại các địa bàn thuộc phạm vi Chương trình.

Tuyên truyền các hoạt động nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và điều kiện thực tế tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, hướng nghiệp, phân luồng và phát triển nguồn nhân lực

Tuyên truyền chính sách giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề, tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh; thông tin về ngành, nghề đào tạo, nhu cầu nhân lực và cơ hội việc làm phù hợp.

Tăng cường truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của học sinh, gia đình và cộng đồng về giáo dục nghề nghiệp, học nghề, kỹ năng nghề; góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm, phát triển sinh kế và giảm nghèo bền vững.

Chú trọng tuyên truyền các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và hỗ trợ người học thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân tộc thiểu số và các đối tượng thuộc Chương trình theo quy định.

5. Truyền thông về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong giáo dục

Tuyên truyền, giới thiệu các mô hình, giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong quản lý, dạy và học; nâng cao năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh.

Khuyến khích khai thác các nền tảng số, học liệu số và các hình thức truyền thông số phù hợp để mở rộng khả năng tiếp cận thông tin, kiến thức và cơ hội học tập, nhất là đối với người học tại vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tăng cường truyền thông, giáo dục kỹ năng số, kỹ năng khai thác và sử dụng thông tin an toàn, hiệu quả; xây dựng môi trường giáo dục số an toàn, lành mạnh.

6. Truyền thông về bảo vệ môi trường, xây dựng môi trường giáo dục xanh, an toàn

Tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, giữ gìn cảnh quan, vệ sinh trường học; xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn.

Lồng ghép truyền thông về thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, bảo vệ nguồn nước và môi trường sống trong các hoạt động giáo dục phù hợp với từng cấp học và điều kiện thực tế của địa phương.

Tuyên truyền, giới thiệu các mô hình, cách làm hiệu quả của cơ sở giáo dục trong xây dựng môi trường giáo dục xanh, thân thiện, an toàn gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới và phát triển bền vững.

7. Truyền thông về bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong trường học

Đẩy mạnh truyền thông, tuyên truyền trong cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, trẻ em, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng về ý nghĩa, giá trị của việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; trong đó, quan tâm tuyên truyền, nâng cao nhận thức về việc giữ gìn, sử dụng và phát huy tiếng nói, chữ viết của các dân tộc, chú trọng việc dạy học tiếng Bahnar, tiếng Jrai ở cấp tiểu học theo quy định hiện hành.

Khuyến khích sự tham gia của cha mẹ học sinh, gia đình, cộng đồng, nghệ nhân, người am hiểu tiếng dân tộc và người có uy tín trong công tác truyền thông, chia sẻ, truyền dạy và phát huy tiếng nói, chữ viết, các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc; góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của nhà trường, gia đình và cộng đồng trong việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong trường học.

8. Truyền thông về kết quả, mô hình, điển hình trong thực hiện Chương trình

Kịp thời thông tin, phản ánh kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; giới thiệu những mô hình tốt, cách làm hay, sáng kiến có hiệu quả và những tập thể, cá nhân tiêu biểu.

Chú trọng các câu chuyện thực tế về nhà giáo, học sinh vượt khó; mô hình hỗ trợ học sinh vùng khó khăn; các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, duy

trì sĩ số, hạn chế học sinh bỏ học, nâng cao chất lượng giáo dục dân tộc và cải thiện điều kiện dạy học.

Đồng thời, kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo để đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tổ chức truyền thông theo chủ đề hằng năm

Căn cứ chủ đề, thông điệp và định hướng truyền thông chung của Chương trình, ngành Giáo dục và Đào tạo tập trung triển khai các nội dung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, trong đó:

Năm 2026: “Đồng bộ chính sách - Thống nhất hành động”: Tập trung phổ biến mục tiêu, nội dung, chính sách của Chương trình; các nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục, nhà giáo và người học.

Năm 2027: “Kinh tế nông thôn - Nâng cao giá trị và phát triển xanh”: Tăng cường giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp; truyền thông giáo dục hướng nghiệp, kỹ năng, khởi nghiệp và các nội dung phù hợp với người học.

Năm 2028: “Bứt phá về sinh kế, thu nhập và giảm nghèo bền vững”: Chú trọng truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, hướng nghiệp, phân luồng, đào tạo nghề gắn với việc làm; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần giảm nghèo bền vững.

Năm 2029: “Nông thôn xanh - Cộng đồng số - Thích ứng bền vững”: Đẩy mạnh truyền thông về chuyển đổi số trong giáo dục, nâng cao năng lực số; giáo dục bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và xây dựng môi trường giáo dục xanh, an toàn.

Năm 2030: “Nông thôn hiện đại, bản sắc, bền vững, không để ai bị bỏ lại phía sau”: Tập trung truyền thông về kết quả, tác động, mô hình tiêu biểu và bài học kinh nghiệm trong thực hiện Chương trình thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030.

Chủ đề và nội dung trọng tâm từng năm được điều chỉnh, bổ sung theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền và yêu cầu thực tế.

2. Đa dạng hóa hình thức truyền thông

Đăng tải tin, bài, hình ảnh, video, infographic và các sản phẩm truyền thông phù hợp trên Cổng thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo, trang thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục và các nền tảng số được phép sử dụng.

Lồng ghép nội dung truyền thông trong các hội nghị, hội thảo, tập huấn, sinh hoạt chuyên môn, hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt dưới cờ và các hoạt động phù hợp khác.

Khai thác, chia sẻ và sử dụng các tài liệu, sản phẩm truyền thông chính thống do các cơ quan Trung ương, Ban Chỉ đạo tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

Phối hợp cung cấp thông tin, tư liệu về các kết quả, mô hình, điển hình của ngành Giáo dục và Đào tạo phục vụ hoạt động truyền thông của tỉnh.

3. Phát triển sản phẩm truyền thông

Khuyến khích các đơn vị xây dựng tin, bài, video ngắn, infographic, bộ ảnh, tài liệu hỏi - đáp và các sản phẩm truyền thông số phù hợp với đối tượng người học và điều kiện thực tế.

Ưu tiên các sản phẩm có nội dung ngắn gọn, dễ hiểu, trực quan, có khả năng chia sẻ và sử dụng lại trên môi trường số; chú trọng nội dung phù hợp với học sinh và cộng đồng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Tăng cường phối hợp trong công tác truyền thông

Tăng cường phối hợp giữa các phòng thuộc Sở, cơ sở giáo dục, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp và địa phương trong cung cấp, chia sẻ thông tin, số liệu, hình ảnh, kết quả, mô hình, điển hình thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Phối hợp với cơ quan báo chí, truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp thông tin, tư liệu để tuyên truyền về kết quả thực hiện Chương trình trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

5. Nâng cao năng lực truyền thông

Lồng ghép nội dung nâng cao kỹ năng truyền thông, truyền thông số, kỹ năng cung cấp thông tin, xây dựng tin, bài, hình ảnh và sản phẩm truyền thông trong các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng phù hợp.

Phát huy vai trò của cán bộ phụ trách công tác truyền thông tại cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục; tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin, hình ảnh, mô hình, điển hình trong toàn ngành.

6. Theo dõi, đánh giá công tác truyền thông

Thường xuyên theo dõi việc triển khai các hoạt động truyền thông; kịp thời điều chỉnh nội dung, hình thức truyền thông phù hợp với yêu cầu thực tế.

Kết quả công tác truyền thông được lồng ghép trong công tác theo dõi, đánh giá việc thực hiện Chương trình thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; thực hiện sơ kết giữa kỳ vào năm 2028 và tổng kết giai đoạn vào năm 2030 theo yêu cầu.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền giao cho các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, nguồn kinh phí thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

2. Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các hoạt động truyền thông bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

3. Khuyến khích lồng ghép các hoạt động truyền thông với nhiệm vụ chuyên môn và huy động các nguồn lực hợp pháp để tổ chức thực hiện, tránh trùng lặp, dàn trải, lãng phí.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở GDĐT

Là đầu mối tham mưu triển khai công tác thông tin, tuyên truyền chung của Sở GDĐT; phối hợp với các phòng thuộc Sở và đơn vị liên quan đăng tải, phổ biến các nội dung truyền thông trên Cổng thông tin điện tử và các kênh thông tin của Sở GDĐT.

Phối hợp tiếp nhận, biên tập, đăng tải tin, bài, hình ảnh, sản phẩm truyền thông về kết quả, mô hình, điển hình trong thực hiện Chương trình thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Phối hợp theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện công tác truyền thông theo Kế hoạch.

2. Các Phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở GDĐT

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xác định nội dung truyền thông có liên quan đến lĩnh vực phụ trách; lồng ghép công tác truyền thông trong quá trình triển khai nhiệm vụ chuyên môn.

Cung cấp thông tin, số liệu, kết quả, mô hình, điển hình và các nội dung cần truyền thông thuộc lĩnh vực phụ trách cho Văn phòng Sở để tổng hợp, tuyên truyền.

Phối hợp hướng dẫn các cơ sở giáo dục, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp triển khai các nội dung truyền thông thuộc lĩnh vực chuyên môn theo quy định.

3. Các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT

Căn cứ Kế hoạch này và điều kiện thực tế của đơn vị, tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông phù hợp; lồng ghép với việc thực hiện nhiệm vụ năm học, hoạt động giáo dục và các phong trào, hoạt động của nhà trường.

Chủ động tuyên truyền, giới thiệu mô hình, cách làm hiệu quả, gương tập thể, cá nhân tiêu biểu; đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử và các kênh truyền thông của đơn vị theo quy định.

Kịp thời cung cấp thông tin, hình ảnh, kết quả, mô hình, điển hình về Sở Giáo dục và Đào tạo để phục vụ công tác truyền thông chung của ngành.

4. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động, tăng cường truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề, hướng nghiệp, kỹ năng nghề, cơ hội việc làm và các chính sách hỗ trợ người học thuộc đối tượng của Chương trình.

Chú trọng tuyên truyền các mô hình đào tạo gắn với nhu cầu sử dụng lao động, tạo việc làm, phát triển sinh kế; kết quả đào tạo nghề, giải quyết việc làm và đóng góp của giáo dục nghề nghiệp đối với giảm nghèo bền vững, phát triển nguồn nhân lực tại địa phương.

5. UBND các xã, phường, đặc khu

Phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền về Chương trình phù hợp với Kế hoạch truyền thông của địa phương, hướng dẫn chuyên môn của ngành Giáo dục và Đào tạo và điều kiện thực tế; lồng ghép nội dung truyền thông trong các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt tập thể và các hoạt động phù hợp khác.

Tăng cường tuyên truyền các chủ trương, chính sách và kết quả thực hiện Chương trình có liên quan đến giáo dục và đào tạo; chú trọng các chính sách đối với trẻ em, học sinh và gia đình; công tác huy động học sinh đến trường, duy trì sĩ số, hạn chế học sinh bỏ học, nâng cao chất lượng giáo dục, giáo dục dân tộc, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường và các nội dung phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin; chỉ đạo các cơ sở giáo dục phát hiện, giới thiệu mô hình, cách làm hiệu quả, tập thể, cá nhân tiêu biểu và kết quả nổi bật trong thực hiện Chương trình để phục vụ công tác truyền thông của địa phương và ngành Giáo dục và Đào tạo.

6. Chế độ thông tin, báo cáo

Các phòng thuộc Sở, đơn vị trực thuộc Sở và các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp thực hiện báo cáo kết quả triển khai công tác truyền thông theo yêu cầu của Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Văn phòng Sở) để tổng hợp, xem xét, xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi. Đề nghị UBND các xã, phường đặc khu, các phòng chuyên môn thuộc Sở, đơn vị trực thuộc Sở và các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp nghiêm túc triển khai thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Các Phòng chuyên môn thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.



Đoàn Thành Nhân

